

V/v báo cáo rà soát, đơn giản hóa
thủ tục hành chính năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Thực hiện Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính, Sở Y tế đã tổ chức rà soát và báo cáo kiến nghị phương án đơn giản hóa đối với 04 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giám định y khoa như sau:

1. Thủ tục “Khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động; Mã số: 1.002706.000.00.00.H32” và “Khám giám định tổng hợp; Mã số: 1.002118.000.00.00.H32” thuộc lĩnh vực Giám định Y khoa.

a) Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản chính hoặc bản sao hợp lệ Biên bản Điều tra tai nạn lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục IX kèm theo Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, Vệ sinh lao động.

Lý do đề nghị bỏ thành phần hồ sơ Bản chính hoặc bản sao hợp lệ Biên bản Điều tra tai nạn lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục IX kèm theo Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, Vệ sinh lao động:

+ Việc thực hiện khám giám định tai nạn lao động, Trung tâm Giám định Y khoa (Trung tâm) căn cứ vào nội dung đề nghị khám giám định của cơ quan, tổ chức giới thiệu đối tượng đi khám giám định và các giấy tờ điều trị có liên quan đến nội dung đề nghị khám.

+ Biên bản điều tra tai nạn lao động thuộc trách nhiệm của Người sử dụng lao động được quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật An toàn vệ sinh lao động. Thành phần Biên bản này không hỗ trợ trong việc khám giám định tình trạng thương tật nên chỉ cần lưu trữ tại cơ sở của người bị tai nạn.

b) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Thủ tục khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **9.630.000** đồng/năm

- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **8.775.000** đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: **855.000** đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,88 %.

- Thủ tục khám giám định tổng hợp

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **699.000** đồng/năm
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **642.000** đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: **57.000** đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,15 %.

2. Thủ tục “Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế; Mã số: 1.002425.000.00.00.H32” và “Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Sở Y tế; Mã số: 1.002425.000.00.00.H32” thuộc lĩnh vực An toàn vệ sinh thực phẩm.

a) Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

Lý do bãi bỏ thành phần hồ sơ:

+ Do các văn bản pháp quy không có mẫu hướng dẫn cụ thể về hình thức, nội dung bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ; nên các cơ sở đặc biệt là các cơ sở nhỏ lẻ gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoàn thiện hồ sơ;

+ Một số cơ sở tuy có bản thuyết minh nhưng làm một cách hình thức, không mô tả chính xác thực tế các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ tại cơ sở;

+ Trong quy trình giải quyết TTHC có bước thẩm định thực tế tại cơ sở. Trong quá trình thẩm định đoàn sẽ đánh giá thực tế về các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ. Trên cơ sở đó sẽ quyết định cơ sở đạt hay chưa đạt đủ điều kiện ATTP.

Do đó, thành phần hồ sơ “Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm” có thể đề xuất cắt giảm.

b) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế; Mã số: 1.002425.000.00.00.H32*

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **94.000.000** đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **91.120.000** đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: **2.880.000** đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3%.

- *Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Sở Y tế; Mã số: 1.002425.000.00.00.H32*

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **222.120.000** đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **212.520.000** đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: **9.600.000** đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4%.

(Chi tiết tính chi phí tuân thủ của 04 Thủ tục theo Phụ lục đính kèm)

Trên đây là kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC của Sở Y tế kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Công văn này thay thế cho Tờ trình 3714/TTr-SYT ngày 12/9/2022 của Sở Y tế.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- Lãnh đạo Sở (VBĐT);
- Chi cục ATVSTP,
- TT GĐYK (VBĐT);
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

Bùi Xuân Minh

Phụ lục
CHI PHÍ TUÂN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Công văn /SYT-TCHC ngày /9/2022 của Sở Y tế)

I. PHÂN TÍCH CHI PHÍ

1. THỦ TỤC KHÁM GIÁM ĐỊNH THƯƠNG TẬT LẦN ĐẦU DO TAI NẠN LAO ĐỘNG, MÃ SỐ: 1.002706.000.00.00.H32

a. Chi phí thực hiện TTHC hiện tại:

Stt	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số đối tượng tuân thủ trong 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng)
I	Chuẩn bị hồ Sơ									
1	Giấy giới thiệu	Thực hiện theo mẫu	1	23.000	0	0	1	30	23.000	690.000
2	Biên bản điều tra tai nạn lao động	Photo công chứng	1	23.000	5.500	0	1	30	28.500	855.000
3	Giấy chứng nhận thương tích	Photo công chứng	1	23.000	5.500	0	1	30	28.500	855.000
4	Giấy ra viện hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án	Photo công chứng	1	23.000	5.500	0	1	30	28.500	855.000
5	Chứng minh nhân dân	Photo công chứng	1	23.000	5.500	0	1	30	28.500	855.000
II	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4	23.000	0	0	1	30	92.000	2.760.000
III	Nhận kết quả	Trực tiếp	4	23.000	0	0	1	30	92.000	2.760.000
IV	Tổng									9.630.000

Stt	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số đối tượng tuân thủ trong 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng)
1	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận	Thực hiện theo mẫu	1	23.000	0	1.000	1	60	24.000	1.440.000
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở)	Photo	1	23.000	0	1.000	1	60	24.000	1.440.000
3	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.	Mô tả cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.	2	23.000	0	2.000	1	60	48.000	2.880.000
4	Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế tuyến huyện trở lên cấp	Photo	4	23.000	0	4.000	1	60	96.000	5.760.000
5	Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.	Lập danh sách	1	23.000	0	1.000	1	60	24.000	1.440.000
II	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4	23.000	0	0	1	60	92.000	5.520.000

Stt	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số đối tượng tuân thủ trong 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng)
III	<i>Nộp phí, lệ phí và chi phí khác</i>	Thẩm định điều kiện cấp giấy phép		0	0	500.000	1	40	500.000	20.000.000
						2.500.000	1	20	2.500.000	50.000.000
IV	<i>Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)</i>		0	0	0	0	1	60	0	0
V	<i>Nhận kết quả</i>	Trực tiếp	4	23.000	0	0	1	60	92.000	5.520.000
VI	Tổng									94.000.000

b. Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa hoặc sự kiến sửa đổi, bổ sung.

Stt	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số đối tượng tuân thủ trong 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng)
I	Chuẩn bị hồ sơ									
1	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận	Thực hiện theo mẫu	1	23.000	0	1.000	1	60	24.000	1.440.000

Stt	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số đối tượng tuân thủ trong 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng)
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở)	Photo	1	23.000	0	1.000	1	60	24.000	1.440.000
3	Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế tuyến huyện trở lên cấp	Photo	4	23.000	0	4.000	1	60	96.000	5.760.000
4	Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.	Lập danh sách	1	23.000	0	1.000	1	60	24.000	1.440.000
II	<i>Nộp hồ sơ</i>	Trực tiếp	4	23.000	0	0	1	60	92.000	5.520.000
III	<i>Nộp phí, lệ phí và chi phí khác</i>	Thẩm định điều kiện cấp giấy phép		0	0	500.000	1	40	500.000	20.000.000
						2.500.000	1	20	2.500.000	50.000.000
IV	<i>Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)</i>		0	0	0	0	1	60	0	0
V	<i>Nhận kết quả</i>	Trực tiếp	4	23.000	0	0	1	60	92.000	5.520.000
VI	Tổng									91.120.000

4. CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI VỚI CƠ SỞ KINH DOANH DỊCH VỤ ĂN UỐNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ Y TẾ; MÃ SỐ: 1.002425.000.00.00.H32

a. Chi phí thực hiện TTHC hiện tại:

Stt	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số đối tượng tuân thủ trong 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng)
I	Chuẩn bị hồ sơ									
1	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận	Thực hiện theo mẫu	1	23.000	0	1.000	1	200	24.000	4.800.000
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở)	Photo	1	23.000	0	1.000	1	200	24.000	4.800.000
3	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.	Mô tả cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.	2	23.000	0	2.000	1	200	48.000	9.600.000
4	Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế tuyến huyện trở lên cấp	Photo	4	23.000	0	4.000	1	200	96.000	19.200.000

Stt	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số đối tượng tuân thủ trong 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng)
5	Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.	Lập danh sách	1	23.000	0	1.000	1	200	24.000	4.800.000
II	<i>Nộp hồ sơ</i>	Trực tiếp	4	23.000	0	0	1	200	92.000	18.400.000
III	<i>Nộp phí, lệ phí và chi phí khác</i>	Thẩm định điều kiện cấp giấy phép		0	0	700.000 (Phục vụ dưới 200 suất ăn)	1	150	700.000	105.000.000
1.000.000 (Phục vụ trên 200 suất ăn trở lên)						1	50	1.000.000	50.000.000	
IV	<i>Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)</i>		0	0	0	0	1	200	0	0
V	<i>Nhận kết quả</i>	Trực tiếp	4	23.000	0	0	1	200	92.000	5.520.000
VI	Tổng									222.120.000

b. Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa hoặc sự kiến sửa đổi, bổ sung.

Stt	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số đối tượng tuân thủ trong 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng)
I	Chuẩn bị hồ sơ									
1	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận	Thực hiện theo mẫu	1	23.000	0	1.000	1	200	24.000	4.800.000
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở)	Photo	1	23.000	0	1.000	1	200	24.000	4.800.000
3	Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế tuyến huyện trở lên cấp	Photo	4	23.000	0	4.000	1	200	96.000	19.200.000
4	Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.	Lập danh sách	1	23.000	0	1.000	1	200	24.000	4.800.000
II	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4	23.000	0	0	1	200	92.000	18.400.000
III	Nộp phí, lệ phí và chi phí khác	Thẩm định điều kiện cấp giấy phép		0	0	700.000 (Phục vụ dưới 200 suất ăn)	1	150	700.000	105.000.000

Stt	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số đối tượng tuân thủ trong 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng)
						1.000.000 (Phục vụ trên 200 suất ăn trở lên)	1	50	1.000.000	50.000.000
IV	<i>Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)</i>		0	0	0	0	1	200	0	0
V	<i>Nhận kết quả</i>	Trực tiếp	4	23.000	0	0	1	200	92.000	5.520.000
VI	Tổng									212.520.000

Ghi chú:**1. Tính Mức thu nhập bình quân 01 người /01 giờ làm việc:**

$$\text{Mức thu nhập bình quân 01 người /01 giờ làm việc} = \frac{\text{Tổng sản phẩm trong nước (theo thống kê của năm gần nhất)}}{\text{Số dân (tương ứng năm thống kê)} \times 12 \text{ tháng} \times 22 \text{ ngày làm việc} \times 8 \text{ giờ làm việc}} = 23.000 \text{ đồng/giờ}$$

Trong đó: - Tổng sản phẩm trong nước năm 2016: **4.502.733.000.000.000 đồng.**

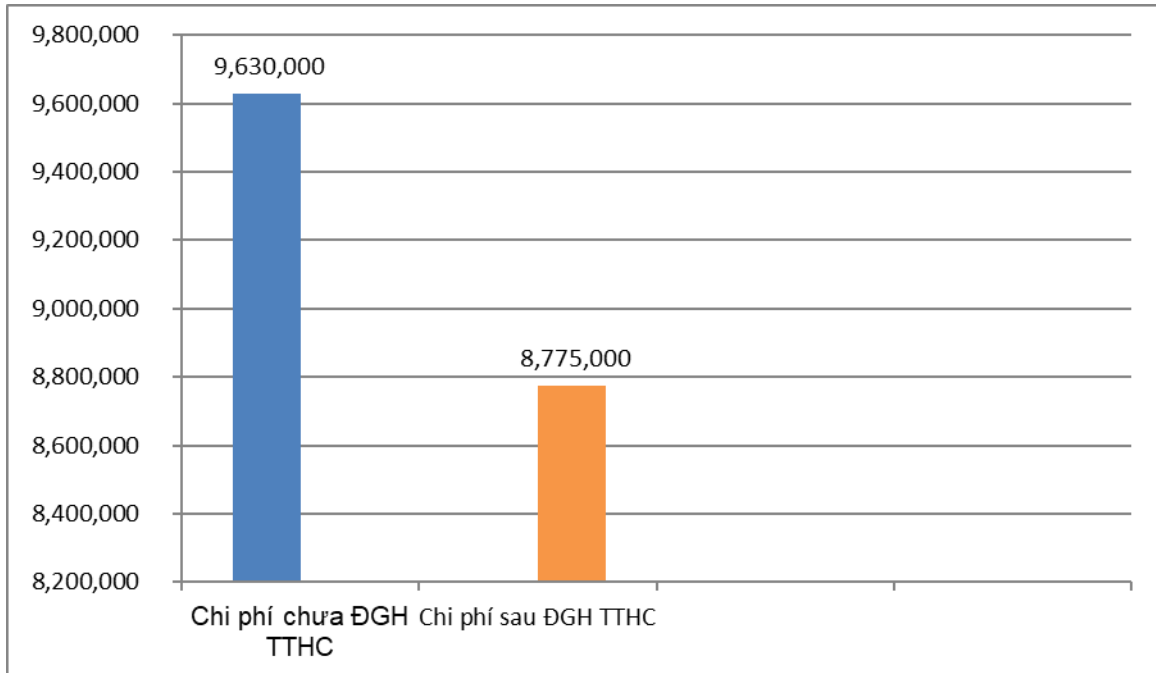
- Dân số năm 2016: **92.695.100.000** người.

2. Chi phí tuân thủ thủ tục “**Khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động**” được tính trong thời gian 01 năm.
3. Áp dụng đối với trường hợp cá nhân, tổ chức tự thực hiện và nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.
4. Áp dụng mức giá photo tài liệu: 500đ/trang giấy.
5. Áp dụng mức giá công chứng tài liệu: 5.000đ/ tờ.

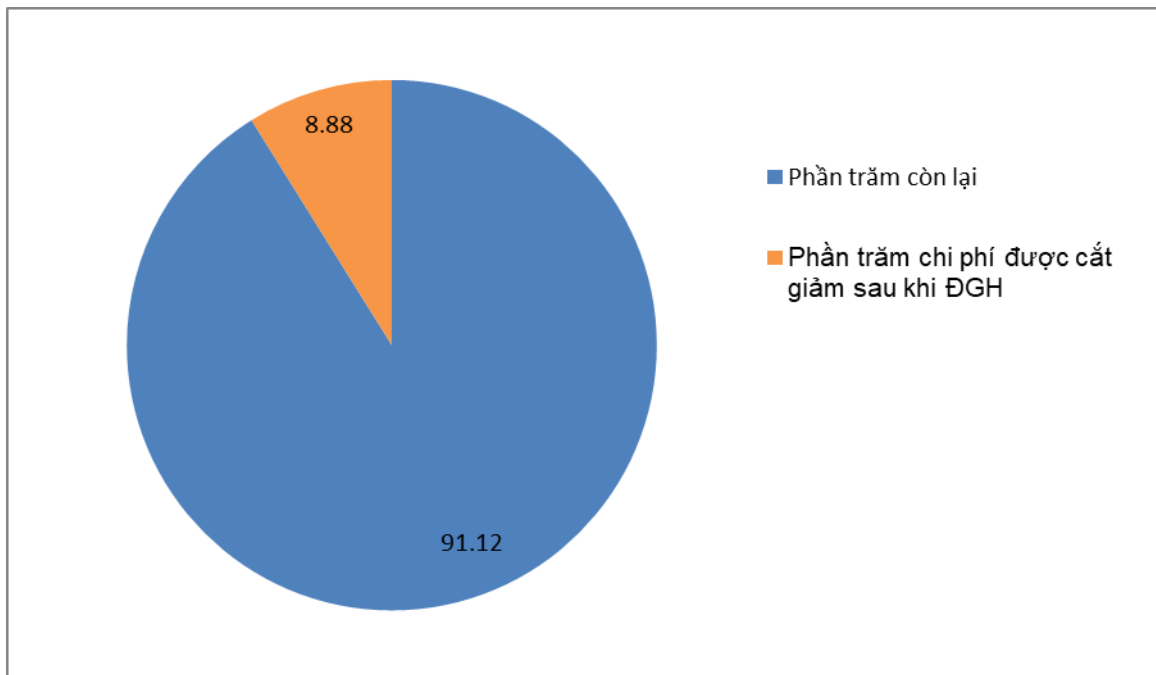
II. SO SÁNH CHI PHÍ.

1. Thủ tục khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động

Chi phí tuân thủ TTHC khi chưa ĐGH (màu xanh) và sau khi ĐGH (màu cam)

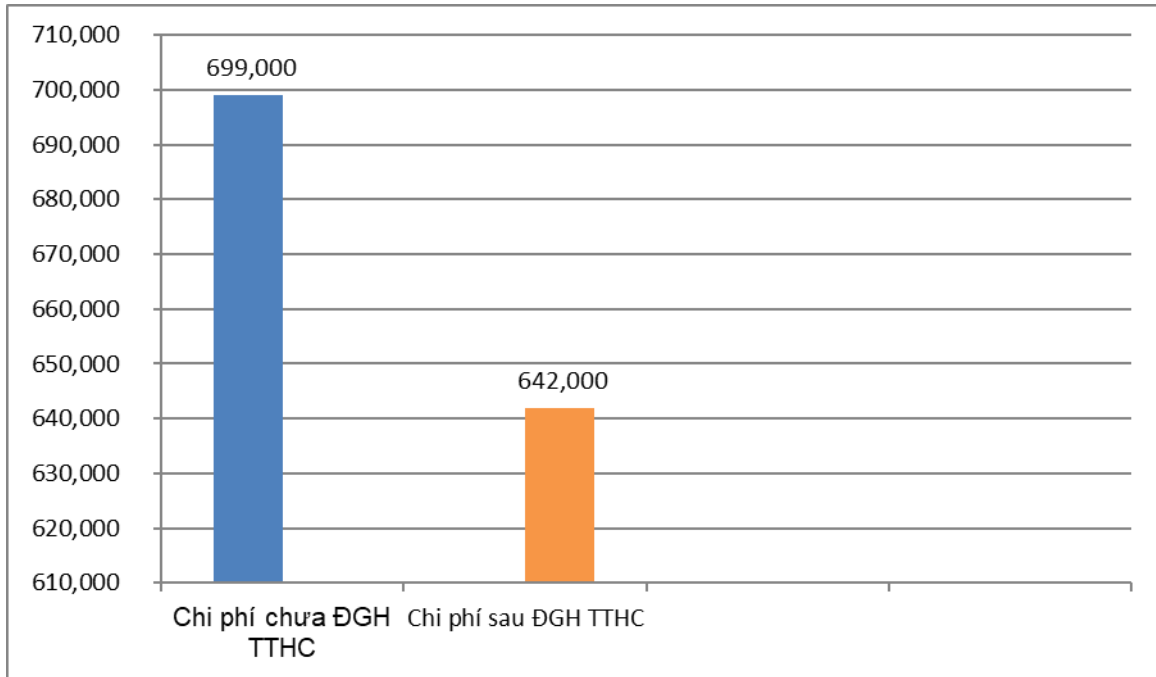


Phần trăm (%) chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu cam) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau khi đơn giản hóa

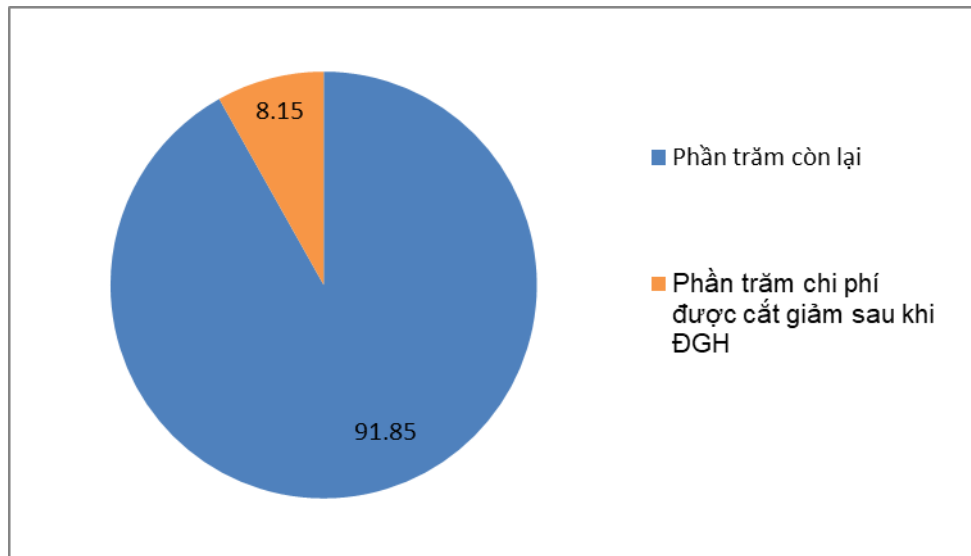


2. Thủ tục khám giám định tổng hợp

Chi phí tuân thủ TTHC khi chưa ĐGH (màu xanh) và sau khi ĐGH (màu cam)

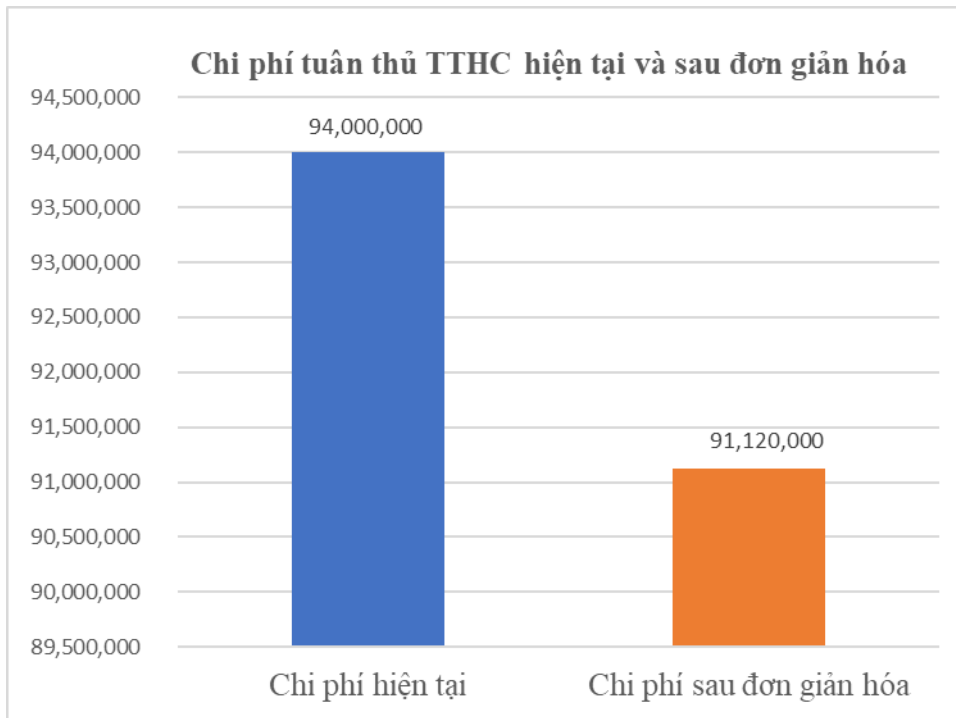


Phần trăm (%) chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu cam) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau khi đơn giản hóa

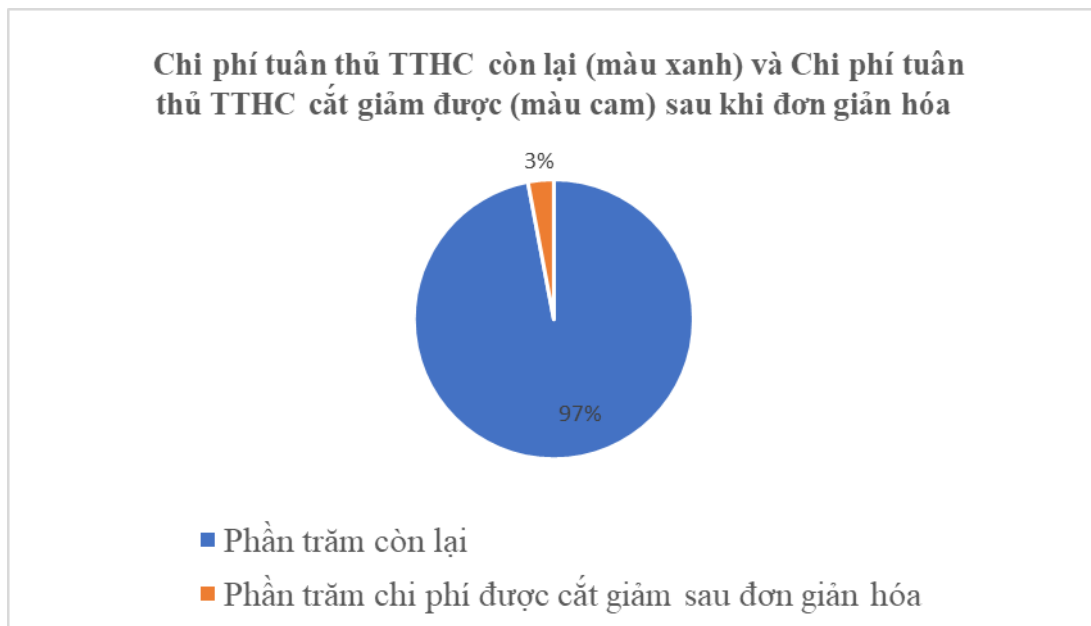


3. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế

Chi phí tuân thủ TTHC khi chưa ĐGH (màu xanh) và sau khi ĐGH (màu cam)

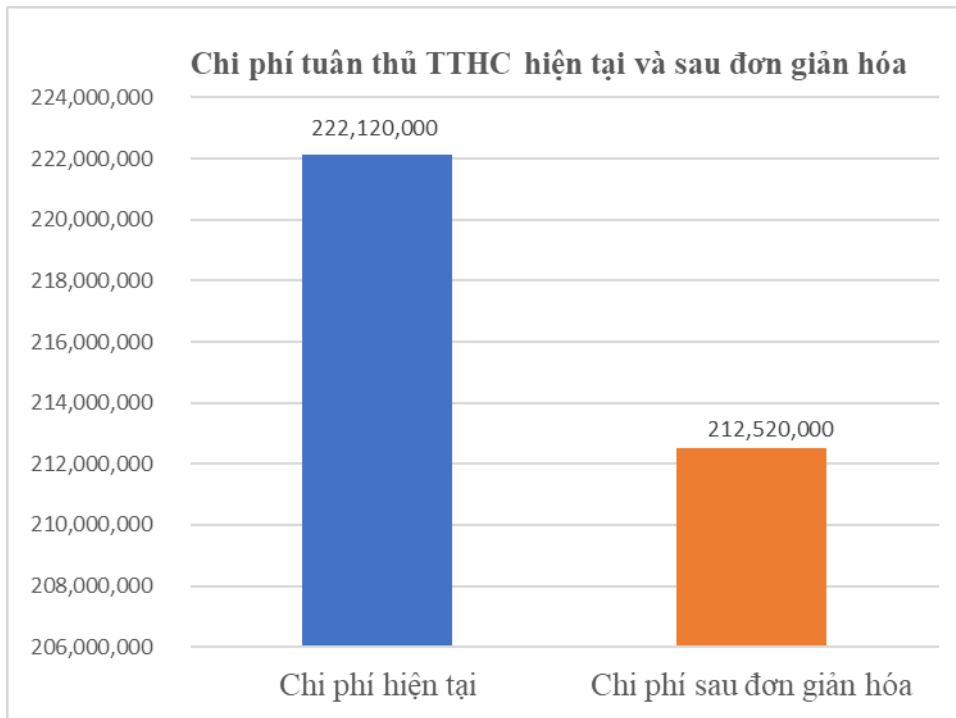


Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu xanh) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu cam) sau khi đơn giản hóa



4. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.

Chi phí tuân thủ TTHC khi chưa ĐGH (màu xanh) và sau khi ĐGH (màu cam)



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu xanh) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu cam) sau khi đơn giản hóa

